

TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA, ĐÔ THỊ HÓA ĐẾN SINH KẾ CỦA NGƯỜI KHMER Ở TỈNH BÌNH PHƯỚC

Đinh Thị Yến⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận bài 27/12/2022; Ngày gửi phản biện 27/01/2023; Chấp nhận đăng 10/02/2023

Liên hệ email: yendt@tdmu.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2023.01.379>

Tóm tắt

Công nghiệp hóa, đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ ở tỉnh Bình Phước. Quá trình này đã tác động trực tiếp đến đời sống của người dân, trong đó có người Khmer. Dựa vào kết quả nghiên cứu điền dã bao gồm khảo sát bản hỏi có cấu trúc và phỏng vấn sâu tại cộng đồng Khmer ở thành phố Đồng Xoài và huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, bài viết tập trung phân tích tác động của công nghiệp hóa, đô thị hóa đến sinh kế của người Khmer. Nghiên cứu chỉ ra rằng, quá trình phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư và cơ sở hạ tầng khác đã tạo cơ hội phát triển, tạo nhiều việc làm, giúp người dân đa dạng các chiến lược sinh kế. Tuy nhiên, trong quá trình này chính quyền địa phương đã thu hồi một lượng lớn đất nông nghiệp, trong khi nhiều nông dân chưa tìm được phương thức kiếm sống mới đã đẩy gia đình họ rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Kết quả nghiên cứu hàm ý, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy cộng đồng phát triển nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt đối với những người nông dân mất đất sản xuất.

Từ khóa: Bình Phước, công nghiệp hóa, đô thị hóa, người Khmer, sinh kế

Abstract

THE IMPACT OF INDUSTRIALIZATION AND URBANIZATION ON LIVELIHOODS OF KHMER PEOPLE IN BINH PHUOC PROVINCE

Binh Phuoc province has experienced rapid urbanization and development in recent years. Many people's lives have been directly impacted by this process, especially the Khmer. This paper examines the impact of industrialization and urbanization on the livelihood of the Khmer based on research data of fieldwork including questionnaire surveys and in-depth interviews Khmer communities in Dong Xoai city and Chon Thanh district, Binh Phuoc province. The findings show that the process of developing industrial parks, industrial clusters, residential areas, and other infrastructure has created opportunities for development, created many jobs, and helped people diversify their livelihoods. However, many farmers have not found alternative sources of income, putting their families in difficult situations as a result of the process, and the local government

has purchased a sizable piece of agricultural land. The research result implies that industrialization and modernization have aided community development but also pose numerous risks, particularly for farmers who have lost productive land.

1. Đặt vấn đề

Người Khmer đã sinh sống ở Bình Phước từ trước thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII họ đã lập làng ở Nha Bích (huyện Chơn Thành ngày nay). Họ vốn từ Campuchia và Tây Nam Bộ di cư đến Bình Phước vào các thời điểm khác nhau: vào giai đoạn suy tàn của các chế độ thống trị thuộc các quốc gia thời trung cổ của người Khmer ở Campuchia; vào thời kỳ người Kinh (người Việt) di cư từ miền Trung vào vùng Nam Bộ; khi phong trào đấu tranh của nhà sư Pucombo chống lại chế độ phong kiến Campuchia và thực dân Pháp thất bại (Mạc Đường, 1985; Trần Bạch Đằng, 1991). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Phước có 19315 người Khmer, họ sinh sống tập trung ở huyện Lộc Ninh, huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú và thành phố Đồng Xoài (Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, 2020).

Buổi đầu, người Khmer đã sống tập trung thành sóc như Sóc Lớn (Lộc Khánh, Lộc Ninh) nhưng trong quá trình phát triển, họ đã xen cư cùng nhiều dân tộc trong vùng. Họ có nền văn hóa rất đa dạng, phong phú với hệ thống phong tục tập quán, kho tàng tri thức dân gian, hệ thống nghi lễ, lễ hội diễn ra quanh năm. Văn hóa của họ chịu ảnh hưởng đậm nét bởi văn hóa Phật giáo Nam tông. Tính đến năm 2022, trên địa bàn tỉnh Bình Phước có sáu ngôi chùa Phật giáo của người Khmer (1 chùa ở Đồng Xoài, 1 chùa ở Chơn Thành và 4 chùa ở huyện Lộc Ninh) đã đáp ứng nhu cầu tôn giáo, văn hóa của tộc người này. Trong đời sống kinh tế, sinh kế truyền thống của họ là canh tác nương rẫy và sản xuất nông nghiệp lúa nước, khai thác các sản phẩm từ rừng, sông, suối. Ngày nay, đa số người Khmer ở Bình Phước đã đa dạng hóa cây trồng như cao su, hồ tiêu, điều,... Riêng ở xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nhiều hộ vẫn duy trì trồng lúa để đảm bảo an ninh lương thực bên cạnh các loại cây hàng hóa khác.

Trong các huyện, thị có người Khmer sinh sống, thành phố Đồng Xoài và huyện Chơn Thành là hai điểm có tốc độ công nghiệp hóa (CNH), đô thị hóa (ĐTH) nhanh nhất của tỉnh Bình Phước. Tại Chơn Thành, người Khmer có dân số 2272 người, sống tập trung ở xã Nha Bích với 335 hộ, 1414 khẩu. Ở Đồng Xoài, có 1732 người, cư trú tập trung ở phường Tân Thiện và Tân Xuân, trong đó phường Tân Xuân có 203 hộ, 815 khẩu (Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, 2020). CNH, ĐTH được đẩy mạnh, nhiều công ty, nhà máy mọc lên tạo ra nhiều việc làm, nhiều cơ hội phát triển cho người dân, nhưng đã làm cho diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp. Chính vì vậy, trong bài viết này chúng tôi lập luận rằng, quá trình CNH, ĐTH đã tác động đến đất sản xuất và sinh kế của người Khmer tại Bình Phước, đặc biệt là hai địa bàn có tốc độ CNH và ĐTH nhanh là Chơn Thành và Đồng Xoài. Nội dung chính của bài báo gồm 2 phần: thứ nhất, chúng tôi giới thiệu quá trình CNH, ĐTH ở tỉnh Bình Phước; thứ hai phân tích những tác động của CNH, ĐTH đến đất sản xuất và sinh kế của người Khmer.

2. Tổng quan và phương pháp nghiên cứu

CNH, ĐTH là xu thế phát triển tất yếu của các nước trên thế giới. Nghiên cứu về tác động của CNH, ĐTH đối với sinh kế của người dân đã được nhiều học giả quan tâm. Có thể kể đến như Nguyễn Văn Sửu (2014), tác giả đã sử dụng khung phân tích sinh kế bền vững kết hợp với tiếp cận không gian để phân tích những tác động của CNH, ĐTH đến biến đổi sinh kế nông dân ở hai làng ven đô Hà Nội. CNH, ĐTH đã tạo những cơ hội sinh kế mới nhưng cũng thu hồi đất và tạo ra các thách thức. Tác giả chỉ ra những cách ứng phó của người dân qua việc tiếp cận, sử dụng và phân phối các nguồn vốn trước những chuyển đổi diễn ra xung quanh họ. Như vậy, Nguyễn Văn Sửu đã cho thấy sự năng động, sáng tạo của nông dân trong bối cảnh mới và cũng đề xuất cách giảm thiểu những bất cập để phát triển ở khu vực ven đô bền vững hơn. Nhóm tác giả Phạm Thị Thu Hà, Trương Văn Cường (2018), cho rằng, CNH, ĐTH đã làm cho đa số người nông dân bị mất tư liệu sản xuất và nghề nghiệp truyền thống, và rồi họ chuyển sang các dạng thức phi nông nghiệp như buôn bán, dịch vụ, làm thuê, di cư lao động ... một cách năng động, nhạy bén. Việc chuyển đổi này tạo cơ hội mở rộng nghề nghiệp, nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa nhưng cũng tạo ra sự bất bình, chênh lệch giàu nghèo, giảm tính cố kết cộng đồng và tăng ô nhiễm môi trường. Các nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng CNH, ĐTH là xu thế phát triển tất yếu của Việt Nam đã mở ra nhiều cơ hội việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Tuy nhiên ĐTH cũng tạo ra nhiều tác động tiêu cực như gia tăng dân số, mất cân đối trong hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội (Mike Douglass, 2008; Tôn Nữ Quỳnh Trân, 2009; Dociu, Dunarintu, 2012; Trần Thị Hồng Yến, 2013; Nguyễn Thị Phương Châm, 2014; Kim Thị Thu Trang và Vũ Văn Anh, 2020; Nguyễn Thị Minh Thúy, 2022; ...).

Đối với người Khmer, các nghiên cứu về tác động của CNH, ĐTH đến sinh kế của cộng đồng rất khiêm tốn, một số công trình mà chúng tôi tiếp cận được như nghiên cứu của Trương Hoàng Trương, Vũ Ngọc Thành (2016), nhóm tác giả sử dụng kết quả nghiên cứu định lượng 225 thanh niên Khmer để chứng minh người Khmer sống TP. Hồ Chí Minh rất năng động, việc làm của họ ngày càng đa dạng: nhân viên, công nhân, viên chức, lao động tự do, buôn bán, dịch vụ, ... Trong xã hội hiện đại, các thanh niên này đã ý thức phát triển bản thân, họ khẳng định vai trò của mình là trụ cột kinh tế trong gia đình, cũng như tạo dựng chỗ đứng trong cộng đồng và xã hội. Hay Trần Tấn Đăng Long (2022) đã nhấn mạnh quá trình giao lưu, biến đổi kinh tế - văn hóa của cộng đồng. Trong đó, đời sống kinh tế của người Khmer có sự chuyển biến từ nông nghiệp sang làm công nhân, thợ xây, phụ hồ, buôn bán, phục vụ quán ăn ... Các nghiên cứu của Lê Anh Vũ (2017, 2018, 2019) đã tập trung phân tích sinh kế của nhóm lao động Khmer di cư đến Bình Dương - vùng đất có tốc độ CNH, ĐTH nhanh bậc nhất của nước ta. Tác giả đã nhấn mạnh rằng, bối cảnh xã hội tại Bình Dương, người Khmer có những thuận lợi trong tìm kiếm việc làm, tuy nhiên họ cũng đối mặt với nhiều khó khăn, rủi ro do trình độ học vấn thấp, phải làm việc trong môi trường độc hại, các công việc nặng nhọc... Những nghiên cứu trên là nền tảng hết sức cơ bản để chúng tôi tiếp cận, đi sâu phân tích tác động của CNH, ĐTH đến sinh kế của người Khmer ở tỉnh Bình Phước.

Để hoàn thiện bài viết, chúng tôi sử dụng nguồn dữ liệu sơ cấp được thực hiện tại phường Tân Xuân, và xã Nha Bích. Các phương pháp thu thập gồm: Phương pháp điền dã thực hiện trong bốn đợt: tháng 4 và tháng 12 năm 2021, tháng 01, tháng 3 năm 2022 với tổng số 9 ngày tại những nơi có người Khmer sinh sống và sản xuất để có cái nhìn tổng quan về cuộc sống, sản xuất và những yếu tố tác động đến sinh kế của họ; Tư liệu phỏng vấn bán hỏi cấu trúc với dung lượng mẫu là 100 hộ gia đình theo cách chọn mẫu định mức kết hợp với chọn mẫu dặt dầy. Phương pháp này được thực hiện nhằm chứng minh những tác động của ĐTH đến sinh kế của họ bằng các con số cụ thể; Cuối cùng, chúng tôi thực hiện 10 cuộc phỏng vấn sâu theo cách lấy mẫu có chủ đích (2 người trên 70 tuổi; 2 người trên 50-69 tuổi; 3 người từ 35-49 tuổi; 3 người từ 20-35 tuổi), những người được phỏng vấn gồm cả nam và nữ nhằm tìm hiểu những nhận định khác nhau về sự tác động của CNH, ĐTH đến sinh kế của các lứa tuổi và giới. Như vậy, với ba phương pháp nghiên cứu này, chúng tôi có được nguồn tư liệu và số liệu để phân tích tác động của CNH, ĐTH đến sinh kế người Khmer tại tỉnh Bình Phước.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Công nghiệp hóa và đô thị hóa ở Bình Phước

Quá trình CNH và ĐTH ở tỉnh Bình Phước đang diễn ra với tốc độ nhanh. Vào năm tái lập tỉnh (1997), nền kinh tế Bình Phước chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Năm 2003 Chính phủ phê duyệt thành lập khu công nghiệp (KCN) Chơn Thành - KCN đầu tiên của tỉnh. Đến 2021, cơ cấu nền kinh tế của tỉnh là: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 23,33%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 42,27%; khu vực dịch vụ chiếm 30,44%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,97% (UBND tỉnh Bình Phước, 2022). Như vậy, cơ cấu kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp xây dựng chiếm tỷ lệ cao nhất. Đây là kết quả của sự nỗ lực liên kết, kêu gọi, xúc tiến đầu tư của chính quyền tỉnh Bình Phước. Hiện nay, toàn tỉnh có 13 khu công nghiệp, 9 cụm công nghiệp được thành lập và đã hoạt động.

Bảng 1. Hiện trạng 13 KCN đang hoạt động tại Bình Phước
(UBND tỉnh Bình Phước, năm 2022)

STT	Tên KCN	Diện tích (ha)	Năm thành lập	Vị trí
1	KCN Đồng Xoài I	163	2006	TP. Đồng Xoài
2	KCN Đồng Xoài II	84.7	2009	TP. Đồng Xoài
3	KCN Đồng Xoài III	120.33	2009	TP. Đồng Xoài
4	KCN Đồng Xoài IV	92.6	2009	TP. Đồng Xoài
5	KCN Minh Hưng – Hàn Quốc	685.52	2007	Chơn Thành
6	KCN Minh Hưng III	291.52	2008	Chơn Thành
7	KCN Chơn Thành I	682	2004	Chơn Thành
8	KCN Chơn Thành II	76	2003	Chơn Thành
9	KCN Becamec	1933	2008	Chơn Thành
10	KCN Nam Đồng Phú	72	2008	Đồng Phú
11	KCN Bắc Đồng Phú	184	2009	Đồng Phú
12	KCN Việt Kiều	101.82	2008	Hớn Quản
13	KCN Tân Khai II	160	2009	Hớn Quản

Trong 13 KCN nêu trên, có đến 9 KCN được xây dựng trên địa bàn huyện Chơn Thành và thành phố Đồng Xoài với diện tích 4128.67ha. Ngoài ra, ở hai địa điểm này cũng có rất nhiều cụm công nghiệp (CCN) đã hoạt động. Tại phường Tân Xuân - nơi có người Khmer sống tập trung, tỉnh Bình Phước đã quy hoạch CCN Tân Xuân với diện tích 30ha. Tại điểm nghiên cứu Nha Bích, CCN Nha Bích đã được thành lập năm 2020 với diện tích 74,59ha (UBND tỉnh Bình Phước 2022).

Cùng với CNH, quá trình ĐTH cũng đang diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh ở Bình Phước. Hiện nay, địa phương này có một thành phố: Đồng Xoài và ba thị xã: Phước Long, Bình Long và Chơn Thành. Năm 1997, thị trấn nhỏ bé Đồng Xoài trở thành tỉnh lỵ của Bình Phước, hai năm sau (1999), Đồng Xoài được mở rộng và nâng lên thành thị xã với diện tích 8028ha và 10816 người (Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Phước 2015). Đến năm 2018, vùng đất này được mở rộng và nâng lên thành thành phố Đồng Xoài với diện tích 16.732ha với 150.052 người (Đảng bộ thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước 2020). Hiện nay, chính quyền tỉnh đã quy hoạch đô thị, định hướng Đồng Xoài sẽ thành đô thị loại II với diện tích tự nhiên là 31050ha tăng 14280ha so với địa giới hành chính hiện hữu (Tỉnh ủy Bình Phước, 2021). Ở Chơn Thành, sau nhiều lần tách nhập, đến năm 2003, huyện Chơn Thành được thành lập trên cơ sở tách một phần của huyện Bình Long theo Nghị định số 17/2003/NĐ-CP của Chính Phủ với 8 đơn vị hành chính (Tỉnh Ủy- UBND tỉnh Bình Phước, 2015). Trải qua quá trình phát triển, ngày 11 tháng 8 năm 2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 570/NQ-UBTVQH về việc thành lập thị xã Chơn Thành và các phường trực thuộc (Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2022).

Quá trình phát triển CNH, ĐTH đã làm cho kinh tế của hai địa bàn nghiên cứu phát triển nhanh chóng, các vấn đề xã hội được quan tâm đầu tư, cảnh quan đô thị trở nên văn minh, sạch đẹp, cuộc sống người dân được cải thiện rõ rệt. Tại Nha Bích (Chơn Thành) và Tân Xuân (Đồng Xoài) có nhiều khu dân cư (KDC) và CCN như: CCN Tân Xuân, KDC Minh Thịnh 6, và Era central Point (Tân Xuân); CCN Nha Bích, KDC Nha Bích, KDC Phước Thắng và 6 KDC khác đã được quy hoạch ở Nha Bích. CNH, ĐTH tất sẽ dẫn đến việc thu hồi nhiều diện tích đất sản xuất của người dân nhằm thành lập các KCN, CCN, KDC, xây dựng cơ sở hạ tầng ... Quá trình này đã tạo ra nhiều cơ hội phát triển, nhiều việc làm cho người dân nhưng cũng để lại nhiều bất cập, tác động tiêu cực đến đời sống cộng đồng, đặc biệt là những người yếu thế như tộc người Khmer sống ở hai địa bàn này.

3.2. Tác động của công nghiệp hóa, đô thị hóa đến sinh kế của người Khmer

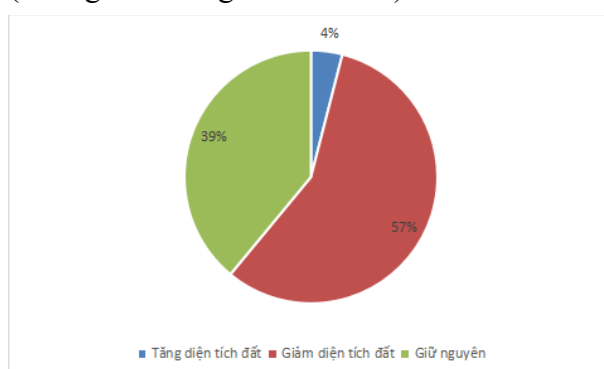
3.2.1. Công nghiệp hóa, đô thị hóa đối với đất sản xuất và sinh kế nông nghiệp

Theo lời kể của các những người được phỏng vấn, trước năm 1997 người Khmer sống hoàn toàn dựa vào sản xuất nông nghiệp nương rẫy du canh với cây trồng chính là lúa và các loại hoa màu nhằm tự cung tự cấp cho gia đình. Mỗi nương rẫy là quyền sở hữu của một gia đình trong thời gian 1 đến 3 năm, tương đương với số vụ họ sản xuất, sau đó họ bỏ rẫy và di chuyển sang khu rừng khác để tiếp tục khai thác. Diện tích đất rẫy phụ thuộc vào khả năng khai hoang của mỗi hộ. Tuy nhiên, từ năm 1997 đến nay, chính quyền địa phương thực hiện nghiêm chỉnh sách bảo vệ rừng, cấm người dân phá rừng làm

nương rẫy nên cộng đồng Khmer đã chuyển sang sản xuất định canh. Mỗi hộ sở hữu trên 3ha đất rẫy đã được khai thác trong thời gian gần nhất để trồng các loại cây hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường như cao su, hồ tiêu, điều và các loại hoa màu. Diện tích đất sản xuất là tài sản quý giá nhất, là nguồn vốn tự nhiên quyết định sự bền vững trong sinh kế của mỗi nông hộ, thế nhưng CNH, ĐTH diễn ra nhanh chóng đã làm cho diện tích đất sản xuất của các nông hộ có sự biến động theo chiều hướng giảm xuống.

Trong 100 hộ được khảo sát, có 58% số hộ giảm diện tích đất sản xuất, 39% số hộ giữ nguyên và 4% số hộ tăng diện tích đất. Số hộ tăng diện tích đất rất ít, nhưng đã thể hiện khả năng thích ứng và tầm nhìn về giá trị của đất đai trong giai đoạn hiện nay. Cả 4 hộ đều mua thêm đất sản xuất nông nghiệp vì họ xác định nghề nghiệp chính là nông nghiệp. 39% số hộ giữ nguyên diện tích đất, đa số là những gia đình trẻ, số diện tích đất của họ có được do cha mẹ cho khi tách hộ. Có đến 57% số hộ giảm diện tích đất sản xuất. Nguyên nhân của vấn đề này được ông Thạch Nh (61 tuổi, Đồng Xoài) cho rằng “... hầu như nhà nào cũng giảm đất sản xuất do chia cho con cái, do bị quy hoạch, do nhà nước thu

lại, bán để xây nhà, mua xe, cưới con, ăn chơi... giờ đất có giá lại càng bán nhiều hơn. Vậy đó, bán đất rồi không có đất sản xuất nên phải đi làm thuê, không có đất để chia cho con cái ở...” (Phỏng vấn tháng 3 năm 2022)



Biểu đồ 1. Biến động diện tích đất sản xuất của các hộ Khmer năm 2020 so với 2010
Nguồn: Kết quả khảo sát, tháng 12/2021

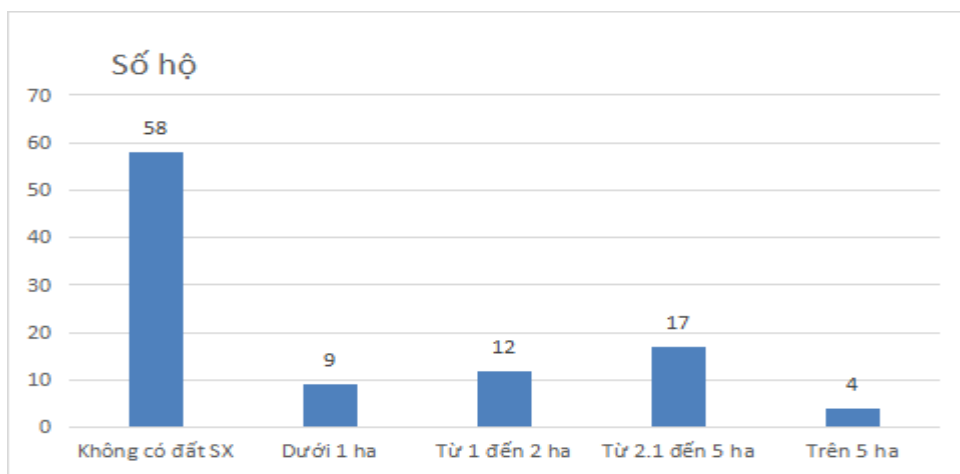
Chứng minh cho điều này, trong 100 trường hợp được phỏng vấn bằng bản hỏi, có 36 hộ trả lời đất sản xuất của họ giảm do chia cho con, 35 hộ do đất nằm trong diện quy hoạch, số còn lại bán để chữa bệnh, xây nhà,... Các lý do và con số cụ thể ở Bảng 2.

Bảng 2. Các nguyên nhân giảm đất sản xuất của người Khmer ở Bình Phước (hộ)
(Nguồn: Kết quả khảo sát, tháng 12/2021)

Lý do giảm đất sản xuất	Địa bàn nghiên cứu		Tổng
	Nha Bích Thành	Tân Xuân Xoài	
Chia cho con	17	19	36
Do quy hoạch	20	15	35
Do cầm cố/gán nợ	3	1	4
Bán do bệnh tật	3	4	7
Bán để chuyển nghề/không có người làm	1	3	4
Bán đất để xây nhà, lo việc hiếu, hỉ	8	6	16
Khác	2	1	3

Dựa trên diễn ngôn của ông Thạch Nh và kết quả khảo sát, việc giảm đất sản xuất của người Khmer ở Bình Phước do nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, khi tách hộ, dù là con gái hay con trai, người Khmer cũng như các tộc người khác đều chia đất cho con, và 36 hộ giảm diện tích đất sản xuất thuộc diện này. Thứ hai, sự phát triển các CCN, KDC, cơ sở hạ

tăng tại phường Tân Xuân (Đồng Xoài) và xã Nha Bích (Chơn Thành) đã thu hồi một lượng lớn diện tích đất sản xuất của người dân, trong đó có 35 hộ người Khmer. Ngoài ra còn có các lý do: cầm cố đất nhưng không chuộc lại được: 4 hộ; bán đất để chữa bệnh: 7 hộ; giá đất tăng lên trong những năm gần đây cũng đã thúc đẩy 20 hộ bán đất để xây nhà, lo việc hiếu hỉ, hoặc chuyển đổi nghề,... Như vậy, CNH và ĐTH diễn ra nhanh chóng đã làm tăng giá đất, giúp người dân hưởng lợi. Tuy nhiên, nó đã giảm diện tích đất của nhiều gia đình do quy hoạch, và một số lượng không nhỏ các hộ đã bán đất để đáp ứng một số nhu cầu chưa thực sự cần thiết dẫn đến họ mất tư liệu sản xuất. Thực trạng thiếu đất sản xuất đang ngày càng gia tăng, rất nhiều hộ không có đất sản xuất (Biểu đồ 2).



Biểu đồ 2. Thực trạng sở hữu đất sản xuất nông nghiệp năm 2020

Nguồn: Kết quả khảo sát, tháng 12/2021

Theo Biểu đồ 2, có 58 hộ không có đất sản xuất, 9 hộ dưới 1ha; 12 hộ có từ 1 đến 2ha; 17 hộ có từ 2,1 đến 5ha và 4 hộ có nhiều hơn 5ha đất sản xuất. Những con số này cho thấy việc sở hữu đất sản xuất đã có sự chênh lệch lớn. Chỉ có 4 hộ có trên 5ha, họ đều là những hộ nhận thấy tầm quan trọng của đất sản xuất nên đã mua thêm. Đáng lưu ý, có 58 hộ không có đất sản xuất do ba nguyên nhân chính liên quan đến lý do giảm đất sản xuất ở Bảng 2: thứ nhất, những hộ mới tách hộ khẩu không được cha mẹ chia đất; thứ hai, đất sản xuất của họ thuộc diện quy hoạch và bị thu hồi (có 14 hộ bị thu hồi hết đất); thứ ba khi diện tích đất sản xuất còn quá ít không đủ để sản xuất nông nghiệp, nhiều hộ đã bán đất để chuyển nghề, để chữa bệnh, làm nhà, mua xe vào các thời gian khác nhau nhưng nhiều nhất là năm 2020 với 13 hộ.

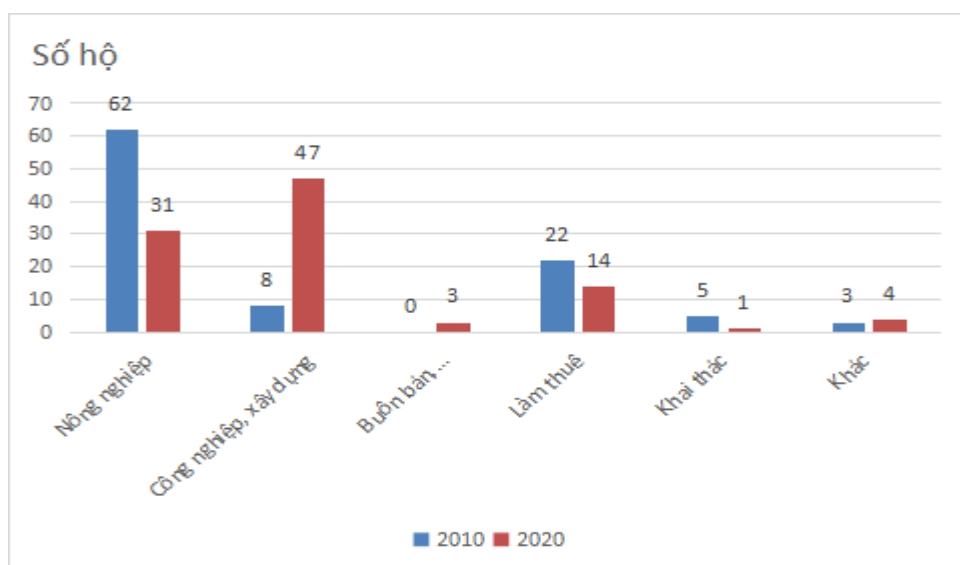
Thực trạng sở hữu đất sản xuất ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp cũng như cuộc sống của người Khmer. Sản xuất nông nghiệp là sinh kế chính của người Khmer trước năm 2010, với 62 hộ sống dựa vào sản xuất nông nghiệp là chính, con số này đã giảm dần xuống còn 31 hộ năm 2020 (Biểu đồ 3). Lý giải cho vấn đề này, một số hộ cho rằng, sản xuất nông nghiệp không có lời, thường xuyên mất mùa, đất sản xuất ít làm không đủ sống, khó làm, không thích làm nữa, chuyển đổi nghề nghiệp,... thiếu đất sản xuất vẫn là câu trả lời được nhiều hộ lựa chọn.

Đối với 31 hộ sống bằng sinh kế nông nghiệp, trong bối cảnh hiện nay, sản xuất nông nghiệp của người Khmer chuyển biến theo hướng tích cực. Đa số các hộ đã cơ giới hóa việc trồng trọt, họ vận dụng máy móc, kỹ thuật hiện đại vào quá trình sản xuất nhằm tăng năng suất cây trồng và giảm bớt công sức chăm sóc. Đồng thời, họ chuyển đổi cây trồng từ hồ tiêu, cây điều sang cây cao su, bởi trồng cây hồ tiêu phải đầu tư kinh phí cao, rất tốn công chăm sóc và dễ bị mất mùa, rớt giá. Trong khi đó, cây cao su ít tốn công chăm sóc và giá cả tương đối ổn định. Những hộ có trên 2ha đất sản xuất đã đa dạng hóa cây trồng vừa trồng điều, vừa trồng cao su, hoa màu nhằm tạo nguồn thu nhập đều đặn cho tất cả các tháng trong năm. Chính vì vậy, trong 42 hộ có đất sản xuất, có 31 hộ trồng cao su; 17 trồng điều; 9 hộ trồng hoa màu;.... Đặc biệt, có 5 hộ (2 hộ ở Đồng Xoài và 3 hộ ở Chơn Thành) đã vận dụng công nghệ thông minh vào trồng dưa lưới trong nhà kính, sử dụng máy bay không người lái để phun thuốc cho vườn điều... Mặc dù con số này không cao nhưng đã chứng minh khả năng thích ứng và vận dụng khoa học công nghệ vào sản xuất của người Khmer. Mô hình sản xuất này đã được lan tỏa và hình thành hợp tác xã sản xuất dưa lưới ở Nha Bích (Chơn Thành), “... năm 2020 mô hình sản xuất dưa lưới của tôi đã được những người dân xung quanh học hỏi và đã thành lập hợp tác xã dưa lưới Nha Bích, tôi mong muốn sản phẩm của mình được xếp vào sản phẩm OCOP (One Commune One Product) để nhiều người biết đến và giá cao hơn... (Phỏng vấn, tháng 01/2022). Như vậy, người Khmer ở thành phố Đồng Xoài đã rất duy lý, tìm mọi cách để tối đa hóa lợi nhuận của mình như nhận định về tính duy lý của người nông dân trong nghiên cứu của Samuel Popkin (1979).

Tuy nhiên, đối với những hộ không còn nhiều đất để sản xuất nông nghiệp luôn cảm thấy cuộc sống bấp bênh “... người Khmer sống bằng làm rẫy từ mấy đời rồi, trước làm lúa, bắp, sau này cũng quen làm cao su, tiêu, điều... giờ nhiều nhà không có đất trồng, muốn mua đất mà có mua được nữa đâu, đắt quá. ... Nhà tui, đất phần bị Nhà nước thu hồi, phần cho con cái, không có đất như cụt tay, cụt chân vậy...” (Phỏng vấn, tháng 3/2022). Sản xuất nông nghiệp trên nương rẫy là nghề truyền thống của những người Khmer sống ở vùng rừng núi của tỉnh Bình Phước. Từ đó, họ đã hình thành nên hệ thống niềm tin, thế giới quan và một kho tàng tri thức địa phương gắn liền với hoạt động sản xuất trong môi trường đồi núi. Sau khi tái lập tỉnh Bình Phước (1997), họ bắt đầu chuyển đổi và quen dần với các loại cây công nghiệp. Tuy nhiên, trước xu thế CNH, ĐTH, những tri thức họ tích lũy được không còn phù hợp, tri thức mới trong bối cảnh hiện nay chưa kịp hình thành nên khi chuyển đổi nghề nghiệp họ gặp phải nhiều thành công nhưng cũng gây ra tâm lý bất ổn cho cộng đồng.

3.2.2. Chuyển đổi sinh kế của người Khmer trong quá trình CNH, ĐTH

CNH, ĐTH là một trong những nguyên nhân làm thay đổi sinh kế của người Khmer ở Bình Phước. Nếu trước đây họ sống hoàn dựa vào sản xuất nông nghiệp thì hiện nay có nhiều cơ hội việc làm nên xu hướng chuyển dịch từ sinh kế trong nông nghiệp sang nhóm công nghiệp, xây dựng và nhóm dịch vụ càng được thể hiện rõ.



Biểu đồ 3. Nhóm sinh kế chính của hộ gia đình người Khmer năm 2010, 2020

Nguồn: Kết quả khảo sát, tháng 12 năm 2021

Kết quả nghiên cứu của Biểu đồ 3 cho thấy, nhóm sinh kế chính của các gia đình Khmer trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2010 là cao nhất với 62 hộ, tuy nhiên con số này có sự giảm dần cho đến hiện nay (31 hộ năm 2020). Nguyên nhân giảm số hộ sản xuất nông nghiệp đã được phân tích ở phần trên. Các nhóm sinh kế mới như công nghiệp, xây dựng, buôn bán dịch vụ và làm thuê có sự dao động rõ rệt.

Nhóm sinh kế công nghiệp và xây dựng: Nhóm này đã tăng lên nhanh chóng qua các năm. Năm 2010 chỉ có 8 hộ nhưng 10 năm sau, năm 2020 số hộ có nguồn thu nhập chính từ làm công nhân và xây dựng tăng lên 47 hộ, cao nhất trong các nhóm ngành. Sự gia tăng này diễn ra bởi các nguyên nhân: Một là số lượng gia đình giảm đất sản xuất và không có đất sản xuất gia tăng, họ không thể sống bằng sản xuất nông nghiệp khi không có đất sản xuất hoặc đất sản xuất quá ít; Hai là các hộ sống bằng nghề làm thuê trong lĩnh vực nông nghiệp cảm thấy bấp bênh, thu nhập không ổn định nên đã chuyển đổi sang làm công nhân; Ba là có 9 KCN và nhiều CCN được xây dựng và vận hành ở Đồng Xoài (04 KCN) và Chơn Thành (05 KCN), nhiều nhà máy, xí nghiệp hoạt động đã tạo cơ hội việc làm cho người Khmer. Vào thời điểm mới hoạt động, số lượng công ty ít, các công ty này có nhiều lựa chọn lao động nên người Khmer khó cạnh tranh với những tộc người xung quanh, bên cạnh đó cộng đồng chưa hình thành được tri thức mới, phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động. Nhưng đến năm 2020, số lượng các công ty, nhà máy trong các KCN gia tăng, nhu cầu việc làm lớn, người Khmer đã chủ động học hỏi và chuyển đổi sinh kế sang làm công nhân ngày càng nhiều, “...giờ nhiều công ty, họ mới nhận bọn em, em có biết đọc biết viết đâu, để đi làm em phải mất một tháng để học viết tên và ký tên của em đó,... giờ xin việc cũng dễ, mình nhờ người làm hồ sơ, rồi mình học viết tên của mình là được, ... mà làm việc gò bó lắm, làm hàng đông lạnh không...” (Phòng vấn, 25/12/2021). Người Khmer chuyển sang làm công nhân càng ngày càng nhiều, hầu hết là

những người dưới 40 tuổi, cả nam lẫn nữ. Trong khi đó, thợ hồ, thợ xây trong các công ty xây dựng lại chủ yếu là nam giới có lứa tuổi dưới 50 và thường không biết chữ. Số lượng hộ sống dựa vào nghề xây dựng không nhiều, chỉ 9/47 hộ thuộc lĩnh vực công nghiệp xây dựng. Đa số họ cho rằng, tiền công làm trong xây dựng có thể cao hơn công nhân nhưng bấp bênh do thời tiết và công việc thất thường, lại phải làm ngoài nắng vất vả hơn. Dù làm việc gì thì những người Khmer này đã ý thức được sự cần thiết phải chuyển đổi sinh kế trong bối cảnh dân cư đông đúc, thiếu đất sản xuất. Khi chuyển đổi sang một chiến lược sinh kế mới nhiều gia đình xác định cuộc sống của họ ổn định, đầy đủ hơn so với làm thuê và sản xuất nông nghiệp với diện tích đất khiêm tốn.

Tuy vậy, vấn đề xin việc và làm việc trong các công ty của các bạn trẻ Khmer cũng đã gặp những khó khăn, trước hết rất ít những người Khmer trên 30 tuổi biết chữ, những người trên 20 tuổi biết đọc, biết viết cũng rất hạn chế. Thứ hai, môi trường làm việc yêu cầu tính kỷ luật cao, làm việc theo ca trong các công ty rất nghiêm ngặt, trong khi đó người Khmer vốn quen với công việc nương rẫy, tự do tự tại, không biết đến các quy định. Đây là lý do mà những người đi làm công ty chỉ là những bạn trẻ và thường không gắn bó dài lâu vì không thích ứng được với những nguyên tắc, quy định của công ty. Điều này cho thấy, người Khmer sống trong bối cảnh CNH, ĐTH ở Bình Phước hiện nay vẫn chưa chuẩn bị “tâm thế” sẵn sàng với để trở thành công nhân trong xã hội hiện đại. Nhiều người quay trở lại với nghề nông dù là làm thuê hoặc đi học nghề để có thời gian thích ứng với sự thay đổi tất yếu này và để trở thành người công nhân chuyên nghiệp.

Nhóm buôn bán và dịch vụ: Bên cạnh làm công nhân thì buôn bán và dịch vụ cũng là một chiến lược sinh kế mới xuất hiện ở người Khmer. Số lượng hộ sống dựa vào lĩnh vực này thấp, chỉ có 3 hộ kinh doanh hàng tạp hóa, mở quán cafe trên trục đường Quốc lộ 14 (Chơn Thành) và ĐT753 (Đồng Xoài). Họ từng là những người sản xuất nông nghiệp nhưng khi diện tích đất sản xuất giảm do quy hoạch, giá đất tăng cao nên họ đã bán đất sản xuất để chuyển đổi sang buôn bán như là một chiến lược sinh kế chính của gia đình. Số gia đình xem buôn bán và dịch vụ là nguồn thu nhập chính thì ít nhưng xem nó là một loại hình sinh kế phụ để đa dạng thu nhập thì rất nhiều gia đình thực hiện. Hiện nay, nhu cầu về các dịch vụ trên thị trường tăng lên và công việc này không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất của các nông hộ. Do đó, có 11 hộ đầu tư xe ba gác để chở hàng, có 9 hộ bán nước uống và đồ ăn vặt, mang đến tận nơi khách hàng cần, 5 hộ cho thuê mặt bằng kinh doanh buôn bán. Một đặc điểm dễ nhận thấy trong quá trình chuyển đổi từ nông nghiệp sang buôn bán dịch vụ đó là nữ giới thì buôn bán, nam giới chở hàng bằng xe ba gác. Họ đều là lao động chưa học hết cấp 1 và đều dưới 40 tuổi (trừ những người người cho thuê mặt bằng là trên 50 tuổi).

Quá trình chuyển đổi sang buôn bán và dịch vụ có những thuận lợi và khó khăn nhất định. Thuận lợi, sự phát triển công nghiệp và đô thị giúp họ dễ dàng tiếp cận được các nguồn vốn như vốn tài chính, vốn xã hội với mạng lưới xã hội từ người thân, bạn bè đã kết nối dân cư đông đúc, công nhân đến tiêu thụ hàng hóa, vốn vật chất với cơ sở hạ tầng được nâng cấp nên dễ dàng vận chuyển, đi lại. Tuy nhiên, cũng có không ít khó khăn

mà họ phải đổi mặt, đó là nguồn vốn tài chính hạn hẹp, nguồn vốn con người với trình độ và kinh nghiệm ít ỏi nên cơ sở buôn bán của họ thì nhỏ mà người dân lại thích mua hàng ở chợ hoặc các cửa hàng lớn. Thêm vào đó ngày càng có nhiều người chuyển sang buôn bán nên người Khmer khó cạnh tranh. Dù vậy, rất nhiều hộ trong nghiên cứu của chúng tôi đang có ý định chuyển sang buôn bán và làm dịch vụ nên xu hướng này sẽ tiếp tục tăng trong tương lai.

Nhóm sinh kế làm thuê: Năm 2010, có 22 gia đình sống dựa vào nghề làm thuê, họ đều là những hộ dân có ít đất hoặc không có đất sản xuất. Công việc của họ là làm trong lĩnh vực nông nghiệp: cạo mủ cao su, lượm điều, hái tiêu, làm cỏ, trồng cây Vào thời điểm này, số lượng các công ty ở huyện Chơn Thành và thành phố Đồng Xoài còn ít, người Khmer chưa thể xin được việc làm, vì vậy, làm thuê là sự lựa chọn bắt buộc để nuôi sống gia đình. Tuy nhiên đến năm 2020, con số này đã giảm xuống chỉ còn 14 hộ, vì có 8 hộ đã chuyển sang làm công nhân. Đối với 14 hộ tiếp tục sống dựa vào làm thuê, nhiều người không biết chữ, ít giao tiếp với bên ngoài. Họ xem công nhân là nghề mơ ước, tạo ra nguồn thu nhập ổn định, trong khi đó làm thuê thu nhập bấp bênh, luôn lo lắng về thời tiết, lo sợ trời mưa không đi làm được. Dù vậy, so với năm 2010 thì hiện nay công việc làm thuê được mở rộng trong lĩnh vực dịch vụ ở các nhà hàng, quán ăn, bốc vác... việc làm nhẹ nhàng nhưng ẩn chứa nhiều cạm bẫy đối với giới trẻ khi đa số họ không biết chữ mà làm việc trong xã hội hiện đại và xa lạ.

Nhóm khai thác và nhóm sinh kế khác: Đối với nhóm sinh kế khai thác, vào năm 2010 có 5 hộ sống bằng hình thức sinh kế này, các công việc chính của họ là đánh bắt cá trên đập thủy lợi Phước Hòa (4 hộ) và thu hái các loại rau ven sông, suối (1 hộ, đơn thân). Hiện nay, chỉ còn 1 hộ sống bằng hình thức này, là một cụ bà sống dựa vào thu hái các loại rau ven sông, suối về bán để nuôi sống bản thân. Đối với nhóm sinh kế khác có 5 hộ, trong đó có 1 hộ là viên chức nhà nước, 4 hộ còn lại là người già sống dựa vào sự hỗ trợ của con cái.

Như vậy, CNH, ĐTH đã làm chuyển đổi sinh kế của người Khmer từ sản xuất nông nghiệp sang công nhân, xây dựng, buôn bán dịch vụ. Trong đó số lượng hộ sống dựa vào làm công nhân là cao nhất và xu hướng này sẽ tiếp tục tăng trong tương lai khi các KCN, CCN, KDC, cơ sở hạ tầng khác tiếp tục được quy hoạch và xây dựng.

4. Kết luận

CNH, ĐTH đã tạo ra nhiều cơ hội, việc làm, giúp người dân tiếp cận thị trường. Người Khmer ở Bình Phước đã chủ động thay đổi, tìm kiếm việc làm và chuyển đổi sinh kế. Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, cộng đồng này đã bắt kịp nhu cầu thị trường trong việc chuyển đổi cây trồng, áp dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào sản xuất để tăng năng suất và thu nhập. Khi diện tích đất sản xuất bị thu hẹp hoặc không còn đất sản xuất, họ đã chuyển sang các nhóm sinh kế phi nông nghiệp như làm công nhân, thợ hồ hay buôn bán dịch vụ với mong muốn có cuộc sống tốt hơn, đồng thời thích nghi với môi

trường xã hội và ứng phó với những rủi ro. Hiện tượng này cho thấy, người Khmer ở Bình Phước rất năng động, chủ động thay đổi để phù hợp cũng như để tồn tại trong xã hội hiện nay. Tuy nhiên, CNH, ĐTH cũng để lại một số hệ lụy, nhiều gia đình bị thu hẹp đất sản xuất. Sản xuất nông nghiệp không đủ sống buộc họ phải chuyển đổi sinh kế. Quá trình chuyển đổi này cũng đã tạo ra nhiều hệ quả không mong muốn, đó là nhiều gia đình sống dựa vào các hình thức sinh kế phi nông nghiệp còn bấp bênh, tiềm ẩn nhiều rủi ro và chưa có một nguồn thu nhập bền vững, cụ thể trong lĩnh vực làm thuê. Một số thanh niên đã không hòa nhập được với môi trường và nguyên tắc làm việc trong công ty đã trở nên thất nghiệp. Như vậy, để giúp người Khmer ở tỉnh Bình Phước có chiến lược sinh kế bền vững cần sự nghiên cứu và thảo luận kỹ hơn của các bên liên quan nhằm đề xuất những giải pháp, chính sách phù hợp.

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Thủ Dầu Một trong đề tài mã số. 21.2-058

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục Thống kê tỉnh Bình Phước (2020). *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở tỉnh Bình Phước*. NXB Thống kê.
- [2] Đảng bộ thành phố Đồng Xoài (2019). *Lịch sử truyền thống của Đảng bộ và nhân dân thành phố Đồng Xoài (1930-2018)*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Mạc Đường (chủ biên, 1985). *Vấn đề dân tộc ở Sông Bé*. NXB Tổng hợp Sông Bé.
- [4] Nguyễn Văn Sửu (2014). *Công nghiệp hóa, đô thị hóa và biến đổi sinh kế ở ven đô Hà Nội*. NXB Tri thức.
- [5] Phạm Thị Thu Hà, Trương Văn Cường (2018). Biến đổi sinh kế của người dân thôn Bạch Xá, xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam dưới tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa. *Tạp chí Dân tộc học*, số 06, 33-42.
- [6] Popkin, S. (1979). *The Rational Peasants: The Political Economy of Rural Society in Vietnam*. University of California Press, Berkeley.
- [7] Tỉnh ủy Bình Phước (2021). *Nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy Về một số lĩnh vực trọng điểm xây dựng phát triển thành phố Đồng Xoài giai đoạn 2021-2025*. Số 03-NQ/TU ngày 16/4/2021.
- [8] Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Phước (2015). *Địa chí Bình Phước*. NXB Chính trị Quốc gia.
- [9] Trần Bạch Đằng (chủ biên, 1991). *Địa chí tỉnh Sông Bé*. NXB Tổng hợp Sông Bé.
- [10] UBND tỉnh Bình Phước (2019). *Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương quy hoạch và phát triển cụm công nghiệp tỉnh Bình Phước đến năm 2020*. Số 23/NQ-HĐND ngày 16/12/2019.
- [11] UBND tỉnh Bình Phước (2022). *Quyết định của UBND tỉnh Ban hành đề án Phát triển Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030*. Số 1656/2022/UBND ngày 09/9/2022.
- [12] Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2022). *Nghị quyết về việc thành lập thị xã Chơn Thành và các phường thuộc thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước*. Số 570/NQ-UBTVQH ngày 11/8/2022.